TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 44/2024/DS-PT Ngày 03-4-2024 V/v tranh chấp yêu cầu mở lối đi	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đê

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Long

Bà Ngô Thị Kim Châu

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Chí Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 128/2023/TLPT-DS, ngày 02 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp yêu cầu mở lối đi".

Do bản án sơ thẩm số 41/2023/DS-ST, ngày 31-5-2023 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 158/2023/QĐ-PT, ngày 27 tháng 11 năm 2023, Quyết định tạm ngừng phiên tòa phúc thẩm số 50/2023/QĐ-PT, ngày 27 tháng 12 năm 2023 và Thông báo mở lại phiên tòa số 20/TB-TA, ngày 18 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự;

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị N, sinh năm 1964; cư trú tại ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Kim Thị Sa L, sinh năm 1970; cư trú tại ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Chúc Kim D, sinh năm 1988; cư trú tại ấp E, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương "Theo văn bản ủy quyền ngày 15/12/2023" (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Thạch K, sinh năm 1962 (vắng mặt)
2. Anh Thạch T, sinh năm 1983 (có mặt)
3. Chị Thạch Thị Chanh T1, sinh năm 1983 (vắng mặt)
4. Ông Thạch B, sinh năm 1966 (vắng mặt)
5. Anh Thạch T, sinh năm 1990 (có mặt)

6. Chị Thạch Thị T2, sinh năm 1992 (có mặt)

7. Chị Thạch Thị Hồng M, sinh năm 2003 (có mặt)

8. Bà Huỳnh Thị T3, sinh năm 1950 (vắng mặt)

9. Ông Kim N1, sinh năm 1953 (vắng mặt)

10. Anh Thạch Sa H, sinh năm 1991 (vắng mặt)

11. Bà Trương Thị Thanh P, sinh năm 1962 (vắng mặt)

12. Anh Thạch Văn M1, sinh năm 1973 (vắng mặt)

13. Anh Thạch Văn H1, sinh năm 1976 (vắng mặt)

14. Chị Thạch Dương L1, sinh năm 1983 (vắng mặt)

15. Anh Sơn Thái C, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Cùng cư trú tại ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

16. Anh Kim C1, sinh năm 1989; cư trú tại ấp Ô, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

17. Ngân hàng N2 chi nhánh huyện C, tỉnh Trà Vinh; trụ sở Khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh, do ông Nguyễn Hữu T4. Giám đốc, làm đại diện (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Chị Kim Thị Sa L là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 5 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị N trình bày: Từ năm 1981, nhà nước đào Kênh thủy lợi phục vụ trồng lúa và mọi người dân, trong đó có gia đình bà đi ra vào từ đường Đal công cộng đến đất ruộng, đều trên bờ Kênh qua thửa đất của hộ chị Kim Thị Sa L. Đến ngày 20/4/2021, chị Sa L tiến hành rào chắn đường đi lại, nên hai bên xảy ra tranh chấp và được Ủy ban nhân dân xã S tổ chức hòa giải không thành. Nay, bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ chị Sa L, thửa số 313, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh; buộc hộ gia đình chị Sa L mở lối đi có diện tích 120m^2 (Chiều ngang 02m, chiều dài 60m), để gia đình bà và các hộ gia đình khác sử dụng làm lối đi.

Theo bị đơn chị Kim Thị Sa L trình bày: Diện tích đất bà N khởi kiện yêu cầu chị mở lối đi, là đất của chị được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích 3.251m^2, thửa số 313, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Do lối đi này thuộc quyền sử dụng đất của chị, không phải lối đi công cộng nên chị không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà N.

Theo những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn gồm: Ông Thạch K, anh Thạch T và chị Thạch Thị Chanh T1, đều thống nhất theo lời trình bày và yêu cầu của N về việc yêu cầu chị Sa L mở lối đi.

Theo những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn, gồm: Ông Thạch B, anh Thạch T, chị Thạch Thị T2 và chị Thạch Thị Hồng M, đều thống nhất theo lời trình bày của chị Sa L, không đồng ý mở lối đi.

Theo những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, gồm: Bà Huỳnh Thị T3, ông Kim N1, ông Thạch Sa H, bà Trương Thị Thanh P, anh Thạch Văn M1, anh Thạch Văn H1, anh Thạch Dương L1, anh Sơn Thái C và anh Kim C1, đều làm đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Tại bản án sơ thẩm số 41/2023/DS-ST, ngày 31-5-2023 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 254 của Bộ luật Dân sự; điểm b khoản 1 Điều 100 và Điều 203 của Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị N .

2. Buộc chị Kim Thị Sa L và thành viên hộ gồm, ông Thạch B, anh Thạch T, Thạch Thị T2, Thạch Thị Hồng M có nghĩa vụ tháo dỡ hàng rào và dành cho hộ bà Trần Thị N, ông Thạch K, anh Thạch T và chị Thạch Thị Chanh T1 một lối đi ra lộ dal trên bờ kênh diện tích 60,22m^2 (ngang 01 m dài 60,22m) nằm 01 phần trong diện tích 3.251m^2, thửa 313, tờ bản đồ số 20; tọa lạc ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Đất có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp phần còn lại thửa số 313, có kích thước 60,21m;
- Hướng Tây giáp Kênh, có kích thước 60,22m;
- Hướng Nam giáp thửa số 137, có kích thước 01m;
- Hướng Bắc giáp Đường Đ, có kích thước 01m.

(Có sơ đồ bản vẽ kèm theo)

3. Bà Trần Thị N, ông Thạch K, anh Thạch T và chị Thạch Thị Chanh T1 không có nghĩa vụ bồi thường giá trị đất cho hộ chị Kim Thị Sa L.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản, về án phí sơ thẩm và quyền quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 05 tháng 6 năm 2023, chị Kim Thị Sa L làm đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm số 41/2023/DS-ST, ngày 31-5-2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Mặc dù, diện tích đất lối đi tranh chấp nằm trong quyền sử dụng đất của hộ chị Sa L, nhưng lối đi này là bờ ruộng gắn liền với bờ K1, hộ chị Sa L rào chắn lối đi, làm cản trở đến việc đi lại của hộ gia đình bà N và một số hộ gia đình khác, nên Tòa án sơ thẩm xét xử buộc hộ chị Sa L tháo dỡ rào chắn để cho hộ bà N và một số hộ gia đình khác được đi lại mà không buộc đền bù giá trị đất là có căn cứ. Tuy nhiên, trên diện tích đất lối đi tranh chấp, hộ chị Sa L có trồng một số cây ăn trái như chuối, dừa, muốn đi lại thuận tiện phải chặt đốn cây trồng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Sa L, sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc bà N có nghĩa vụ hoàn trả giá trị cây trồng trên diện tích đất lối đi cho chị Sa L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Thị N làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C ra quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp, diện tích đất 120m^2 (Chiều ngang 02 mét, chiều dài 60 mét) thuộc thửa số 313, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh và tài sản, cây trồng trên đất (Đơn không ghi ngày, tháng, năm 2022). Đồng thời, bà N nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng ngày 16/6/2022 và ngày 28/9/2022 (BL 82, 83, 84). Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án ra Quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 12/7/2019 (BL 94), là trước năm bà N làm đơn yêu cầu.

[2] Tòa án sơ thẩm tiến hành định giá tài sản ngày 22/7/2022, nhưng không ra quyết định định giá tài sản và thành lập Hội đồng định giá tài sản theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 104 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Biên bản định giá tài sản không có đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có tài sản tham gia chứng kiến, nhưng nội dung biên bản ghi *"Ý kiến của cán bộ địa chính xã ông Tạ Phú T5 cho giá 250.000đ/m^2"* (BL 98, 99). Tuy nhiên, các vi phạm tố tụng của Tòa án sơ thẩm không nghiêm trọng, không cần thiết hủy bản án sơ thẩm mà chỉ nhận định để Tòa án sơ thẩm rút kinh nghiệm là đủ.

[3] Về nội dung vụ án: Qua các tài liệu, chứng cứ đã thu thập thể hiện, diện tích đất bà N khởi kiện yêu cầu chị Sa L mở lối đi, mặc dù cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ chị Sa L (BL 56). Tuy nhiên, diện tích đất lối đi có tranh chấp là bờ ruộng gắn liền với bờ K1 và theo tập quán của người nông dân trồng lúa nước thì bờ ruộng, bờ K1 là đường đi bộ dành cho mọi người cùng đi, không chỉ bà N, gia đình bà N. Cho nên, trong trường hợp này không áp dụng Điều 254 của Bộ luật Dân sự quy định quyền về lối đi qua để buộc bà N đền bù cho chị Sa L là chủ sở hữu bất động sản chịu hưởng quyền. Nếu buộc bà N đền bù cho chị Sa L, thì những hộ khác có diện tích đất phía trong kế tiếp hộ chị Sa L, cũng như các hộ dân khác có diện tích đất ở phía trong nữa tiếp tục ngăn cản, rào chắn không cho mọi người cùng đi lại trên bờ ruộng gắn liền với bà K1. Lúc đó, người có diện tích đất ruộng nằm ở phía trong cùng phải đền bù cho nhiều chủ sở hữu có bất động sản chịu hưởng quyền và cứ như thế thì sẽ phát sinh nhiều vụ việc tranh chấp, gây mất trật tự xã hội tại địa phương. Do vậy, Tòa án sơ thẩm xét xử buộc hộ chị Sa L tháo dỡ hàng rào chắn trên lối đi là bờ ruộng gắn liền với bờ K1, để hộ bà N được quyền đi lại trên lối đi tranh chấp và không buộc hộ bà N đền bù cho hộ chị Sa L là phù hợp với tập quán của người nông dân trong việc đi lại canh tác, trồng lúa nước tại địa phương. Chị Sa L kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Tuy nhiên, bà N, ông K, anh T và chị T1 không được gây thiệt hại tài sản của chị Sa L trên lối đi. Trong trường hợp bà N, ông K, anh T và chị T1 có hành vi gây thiệt hại đến tài sản của chị Sa L trên lối đi thì chị Sa L hoặc các đồng sở hữu tài sản bị thiệt hại có quyền làm đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân cấp có thẩm quyền để yêu cầu giải quyết bồi thường một vụ án dân sự khác.

[5] Xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Sa L, là có căn cứ. Riêng ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc bà N thanh toán giá trị cây trồng trên diện tích đất lối đi tranh chấp cho chị Sa L, là không có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, tài sản trên diện tích đất lối đi tranh chấp chưa được Tòa án sơ thẩm xét xử, nên khi phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[6] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Buộc bà N và chị Sa L, mỗi người phải chịu theo quyết định của bản án sơ thẩm bằng 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng). Chị Sa L có nghĩa vụ nộp số tiền bằng 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng), để hoàn trả cho bà N. Đối với số tiền chị Sa L nộp tạm ứng tại Tòa án phúc thẩm bằng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), đã chi hết 1.190.000 đồng (Một triệu một trăm chín mươi nghìn đồng), nên buộc chị Sa L chịu toàn bộ số tiền này. Chị Sa L đến Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh nhận lại số tiền nộp tạm ứng còn thừa bằng 810.000 đồng (Tám trăm mười nghìn đồng).

[7] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của chị Sa L không được Tòa án phúc thẩm chấp nhận, nên buộc chị Sa L phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm chị Sa L đã nộp bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0016664, ngày 07/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Trà Vinh, nên không phải nộp tiếp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Kim Thị Sa L.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 41/2023/DS-ST, ngày 31-5-2023 của Tòa án nhân dân huyện C.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N .

2. Buộc chị Kim Thị Sa L và thành viên hộ gia đình gồm: ông Thạch B, anh Thạch T, chị Thạch Thị Hồng T6 và chị Thạch Thị Hồng M có nghĩa vụ tháo dỡ hàng rào và dành cho hộ bà Trần Thị N, ông Thạch K, anh Thạch T và chị Thạch Thị Chanh T1 được quyền đi trên lối đi là bờ ruộng gắn liền với bờ K1, có diện tích là 60,22m^2 nằm trong quyền sử dụng đất thuộc thửa số 313, diện tích 3.251m^2, tờ bản đồ số 20; tọa lạc ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Đất lối đi có tứ cận và kích thước như sau:

- Hướng Đông giáp diện tích đất thuộc thửa số 313, kích thước 60,21m;

- Hướng Tây giáp Kênh, kích thước 60,22m;

- Hướng Nam giáp thửa số 137, kích thước 01m;

- Hướng Bắc giáp Đường Đ, kích thước 01m.

(Phần A1 trên sơ đồ khu đất kèm theo)

3. Bà Trần Thị N, ông Thạch K, anh Thạch T và chị Thạch Thị Chanh T1 không có nghĩa vụ đền bù giá trị đất cho hộ chị Kim Thị Sa L.

4. Bà Trần Thị N, ông Thạch K, anh Thạch T và chị Thạch Thị Chanh T1 không được gây thiệt hại tài sản của chị Kim Thị Sa L trên lối đi. Trong trường hợp bà Trần Thị N, ông Thạch K, anh Thạch T và chị Thạch Thị Chanh T1 có hành vi gây thiệt hại đến tài sản của chị Kim Thị Sa L trên lối đi thì chị Kim Thị Sa L hoặc các đồng sở hữu tài sản bị thiệt hại có quyền làm đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân cấp có thẩm quyền để yêu cầu giải quyết bồi thường một vụ án dân sự khác.

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Buộc bà Trần Thị N phải chịu số tiền bằng 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng), do bà Trần Thị N đã nộp tiền tạm ứng trước nên không phải nộp tiếp.

Buộc chị Kim Thị Sa L phải chịu số tiền bằng 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng). Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền có trách nhiệm thu số tiền này từ chị Kim Thị Sa L để hoàn trả cho bà Trần Thị N .

Buộc chị Kim Thị Sa L phải chịu chi phí định giá sản tại Tòa án phúc thẩm bằng 1.190.000 đồng (Một triệu một trăm chín mươi nghìn đồng), do chị Kim Thị Sa L đã nộp tiền tạm ứng trước bằng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), nên không phải nộp tiếp. Chị Kim Thị Sa L đến Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh nhận lại số tiền nộp tạm ứng còn thừa bằng 810.000 đồng (Tám trăm mười nghìn đồng).

5. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Trần Thị N . Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho bà Trần Thị N bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0011235, ngày 16/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Buộc chị Kim Thị Sa L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Buộc chị Kim Thị Sa L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm chị Kim Thị Sa L đã nộp bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0016664, ngày 07/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Trà Vinh, nên không phải nộp tiếp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Đê